

Bản án số: 251/2024/DS-ST
Ngày 15 – 8 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Ông Trịnh Khởi Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Dơi tham gia phiên tòa: Bà Ngô Trà My – Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Anh Trần Quốc V, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Chị Điền Thị U, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: Khóm x, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Quốc V: Ông Cao Quốc Tuấn – Là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Hồng T, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Khóm y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Khánh L. Địa chỉ cư trú: Khóm z, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của anh Trần Quốc V, chị Điền Thị U và lời trình bày tại phiên tòa của anh Trần Quốc V, thể hiện:

Do quen biết nên anh V, chị U cho anh Lý Hồng T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị U đứng tên để thế chấp vay tiền dùm. Ngày 20/6/2023 anh V, chị U thế chấp giấy chứng nhận cho anh Nguyễn Khánh L để vay số tiền 1.000.000.000 đồng với lãi suất 45.000.000 đồng/tháng. Sau đó, anh V, chị U cho anh T vay lại số tiền 1.029.000.000 đồng (cùng ngày 20/6/2023); sau đó anh T không trả vốn, lãi theo thỏa thuận, anh V, chị U nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng anh T không thực hiện.

Do vậy, anh V, chị U khởi kiện yêu cầu anh Lý Hồng T trả số tiền 1.029.000.000 đồng và số tiền lãi đã xuất trả cho anh Nguyễn Khánh L trong thời gian 04 tháng là 405.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V, chị U thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền vốn 1.029.000.000 đồng và tiền lãi theo mức 10%/năm tính từ ngày 25/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 65.000.000 đồng. Đối với giấy chứng nhận do chị U đứng tên thế chấp cho anh L đã được thụ lý, xem xét trong vụ án khác nên anh V, chị U không yêu cầu gì trong vụ án này.

** Theo văn bản giải trình của anh Lý Hồng T, thể hiện:* Anh T xác định chỉ vay của anh V số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, cộng với nợ cũ, tổng là 70.000.000 đồng. Sau đó anh V cộng tiền lãi vào tiền vốn lên 215.000.000 đồng, sau đó trừ đi 20.000.000 đồng anh đã đưa và còn 195.000.000 đồng; sau đó tiếp tục gửi tiền lãi 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng cho anh V trên tổng số tiền 195.000.000 đồng nhưng do làm ăn thua lỗ, một thời gian anh T không đóng lãi nên anh V tiếp tục cộng tiền lãi vào tiền vốn và cộng thêm tiền hùn nuôi tôm. Đến ngày 25/9/2023 anh V ép anh viết giấy nợ và tính tiền vốn gốc là 463.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đến ngày 31/10/2023, sau khi đối trừ số tiền đã đưa thì anh V tiếp tục ép viết giấy nợ 679.000.000 đồng và vẫn tính lãi 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Sau nhiều lần anh T gửi cho anh V 150.000.000 đồng, đến ngày 25/12/2023 anh V tính tiền sau khi trừ số tiền anh T đưa thì số tiền còn thiếu là 1.029.000.000 đồng nên ép viết giấy có mượn giấy tờ đất để vay Khánh Linh 1.000.000.000 đồng. Do vậy, anh T yêu cầu Tòa án xử lý về các nội dung này theo quy định của pháp luật, nếu có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu Tòa án chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý; về phần lãi suất anh T yêu cầu tính theo lãi suất nhà nước và đối trừ số tiền anh đã chuyển cho anh V.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của anh Nguyễn Khánh L, thể hiện:* Anh có cho chị U vay 1.000.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/ngày/1.000.000 đồng, sau này có vay thêm một khoản tiền nữa nên có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị U đứng tên. Việc chị U cho ai vay lại hay như thế nào thì anh không biết, anh L không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Lý Hồng T trả cho anh Trần Quốc V, chị Điền Thị U tổng số tiền là 1.094.000.000 đồng (vốn 1.029.000.000 đồng, lãi 65.000.000 đồng). Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Điền Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Luật sư Cao Quốc Tuấn, anh Lý Hồng T và anh Nguyễn Khánh L đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và Luật sư là phù hợp.

[2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh V, chị U thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi anh T phải trả, yêu cầu trả lãi theo mức 10%/năm với số tiền là 65.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của anh V, chị U là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, anh T không thừa nhận vay anh V, chị U số tiền 1.029.000.000 đồng mà số tiền vốn ban đầu chỉ có 50.000.000 đồng, sau đó anh V tính lãi nhập vốn cộng thêm tiền hùn nuôi tôm nên bị ép buộc viết biên nhận số tiền 1.029.000.000 đồng. Anh T cung cấp file ghi âm cho rằng bị ép buộc và thông tin việc chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng.

Anh T yêu cầu Tòa án xử lý về các nội dung này theo quy định của pháp luật, nếu có dấu hiệu hình sự thì yêu cầu Tòa án chuyển đến cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý; về phần lãi suất anh T yêu cầu tính theo lãi suất nhà nước và đối trừ số tiền anh đã chuyển cho anh V.

Xét yêu cầu của anh T thấy rằng, Tòa án đã yêu cầu anh T nộp chi phí chuyển hóa file ghi âm thành văn bản và chứng minh số tiền đã chuyển khoản cho anh V là 150.000.000 đồng nhưng anh T không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án; mặt khác, theo biên nhận mượn tiền được lập ngày 25/12/2023 và cho rằng bị ép buộc viết nhưng sau đó anh T không trình báo đến cơ quan có thẩm quyền xem xét về nội dung này mà chỉ khi Tòa án thụ lý vụ án và giao các văn bản tố tụng thì anh T mới đặt ra nội dung này. Tại phiên tòa, anh V không thừa nhận về nội dung này, quá trình giải quyết anh T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh và cũng chưa có căn cứ vững chắc để chuyển hồ sơ cho Công an

huyện Đầm Dơi xem xét xử lý nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến và yêu cầu của anh T về nội dung này.

[4] Theo đơn khởi kiện của anh V, chị U và lời trình bày tại phiên tòa của anh V phù hợp với biên nhận mượn tiền ngày 25/12/2023 thể hiện anh T có nhận của anh V, chị U số tiền 1.029.000.000 đồng (trong đó có số tiền vay của anh L 1.000.000.000 đồng) là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu trả lãi số tiền 65.000.000 đồng của nguyên đơn, thấy rằng:

Theo biên nhận mượn tiền ngày 25/12//2023 không thể hiện mức lãi suất của số tiền 1.029.000.000 đồng và hiện nay các bên đang tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả nợ. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền lãi từ ngày 25/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 65.000.000 đồng là phù hợp với lãi suất 10%/năm nên được chấp nhận.

[6] Đối với các giấy chứng nhận số DL 159674 và DL 159675 do chị U đứng tên là đối tượng anh V, chị U thế chấp cho anh L (thông qua hình thức chuyển nhượng) đang được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác và do giới hạn phạm vi khởi kiện của nguyên đơn trong khi anh L cũng không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Lý Hồng T phải chịu là: 36.000.000 đồng + 294.000.000 đồng x 3% = 44.820.000 đồng.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc V, chị Điền Thị U.

Buộc anh Lý Hồng T trả cho anh V, chị U tổng số tiền 1.094.000.000 đồng (một tỷ không trăm chín mươi bốn triệu đồng) (trong đó, tiền vốn 1.029.000.000 đồng, tiền lãi 65.000.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh V, chị U cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lý Hồng T phải chịu 44.820.000 đồng (bốn mươi bốn triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Quốc V, chị Điền Thị U không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh V, chị U số tiền 13.755.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền số 0001083 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn